

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Số: 2133 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Tổ chức và vận hành các trường phổ thông nội trú trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 298/NQ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới đất liền;

Căn cứ Nghị định số 188/2026/NĐ-CP ngày 27/5/2026 của Chính phủ quy định chính sách cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền;

Căn cứ Thông tư số 12/2026/TT-BGDĐT ngày 04/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông nội trú;

Căn cứ Văn bản số 5241/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng Đề án tổ chức và vận hành trường phổ thông nội trú;

Thực hiện Kế hoạch số 564/KH-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 298/NQ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3071/TTr-SGDĐT ngày 21/8/2026; ý kiến thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh (qua Phiếu biểu quyết).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án “Tổ chức và vận hành các trường phổ thông nội trú trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã biên giới đất liền và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy các xã biên giới đất liền;
- UBND các xã, phường;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT&XT, HTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX₁.

com

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Nguyệt
Nguyễn Thị Nguyệt

ĐỀ ÁN

Tổ chức và vận hành các trường phổ thông nội trú trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh)

PHẦN I**CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN****I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10/12/2025;
- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; Nghị quyết số 15/2026/NQ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ tạm ngưng hiệu lực Nghị định số 46/2026/NĐ-CP và các quy định hiện hành về an toàn thực phẩm;
- Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Phòng bệnh ngày 10/12/2025; Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh;
- Nghị quyết số 298/NQ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo số 81-TB/TW của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới đất liền (Nghị quyết 298/NQ-CP);
- Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách đối với trẻ em, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và địa bàn đặc thù (Nghị định 66/2025/NĐ-CP);
- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Nghị định 142/2025/NĐ-CP);
- Nghị định số 339/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa đối với học sinh tiểu học, trung học cơ sở học tại các xã biên giới đất liền (Nghị định 339/2025/NĐ-CP);
- Nghị định số 188/2026/NĐ-CP ngày 27/5/2026 của Chính phủ quy định chính sách cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền (Nghị định 188/2026/NĐ-CP);
- Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức (Nghị định 232/2026/NĐ-CP);
- Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định 235/2026/NĐ-CP);

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT về đánh giá học sinh;

- Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT);

- Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học (Thông tư 05/2025/TT-BGDĐT);

- Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Văn hóa - Xã hội trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 45/2026/TT-BGDĐT ngày 10/6/2026;

- Thông tư số 12/2026/TT-BGDĐT ngày 04/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông nội trú (Thông tư 12/2026/TT-BGDĐT);

- Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Thông tư 15/2026/TT-BGDĐT);

- Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 của Bộ Y tế về hướng dẫn kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; các quy định hiện hành về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và an toàn thực phẩm (Quyết định 1246/QĐ-BYT);

- Công điện số 42/CD-TTg ngày 23/5/2026 và Công điện số 50/CD-TTg ngày 20/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng, bảo đảm chất lượng các trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới;

- Công văn số 5241/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng Đề án tổ chức và vận hành trường phổ thông nội trú;

- Kế hoạch số 564/KH-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 298/NQ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới;

- Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của UBND tỉnh về ủy quyền một số nội dung về tổ chức bộ máy, tuyển dụng, quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, được sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 30/6/2026;

- Phương án tổng thể sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

được phê duyệt tại Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 03/8/2026, điều chỉnh tại Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 15/8/2026 của UBND tỉnh.

II. SỰ CẦN THIẾT

Theo Kế hoạch số 564/KH-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 298/NQ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới thì đến năm 2028, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có 07 trường phổ thông nội trú (PTNT) tại 07 xã biên giới đất liền. Hiện nay, UBND xã Sơn Kim 1 và UBND xã Hương Khê đã ban hành Quyết định thành lập Trường PTNT tiểu học và Trung học cơ sở (TH&THCS). Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1 và Trường PTNT TH&THCS Hương Khê sẽ đi vào vận hành từ năm học 2026 - 2027. Đối với 05 trường PTNT liên cấp còn lại ở 05 xã Sơn Hồng, Sơn Kim 2, Vũ Quang, Hương Bình, Hương Xuân đang được các Chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng và bắt đầu triển khai thi công; sẽ hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng từ năm học 2027 - 2028¹.

Việc đầu tư xây dựng hệ thống trường PTNT tại các xã biên giới đất liền là chủ trương quan trọng nhằm tạo điều kiện học tập, sinh hoạt và phát triển toàn diện cho học sinh; góp phần củng cố chất lượng giáo dục, nâng cao dân trí, tạo nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững khu vực biên giới. Việc hình thành đồng thời mô hình trường có tổ chức dạy học, bán trú và nội trú đặt ra yêu cầu phải chuẩn bị đồng bộ từ quy mô tuyển sinh, tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng người làm việc, quản lý học sinh, tổ chức ăn, ở, y tế, an toàn, tài chính, tài sản đến cơ chế phối hợp liên ngành do đó việc ban hành Đề án tổ chức và vận hành các trường PTNT trên địa bàn tỉnh là cần thiết.

Đề án được xây dựng trên cơ sở các yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Văn bản số 5241/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026, Nghị định số 188/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 12/2026/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và số liệu về quy mô, chỉ tiêu tuyển sinh do địa phương rà soát.

Việc ban hành Đề án là cơ sở để các cơ quan, địa phương và các trường PTNT TH&THCS chuẩn bị, tổ chức vận hành theo lộ trình, hạn chế nguy cơ công trình hoàn thành nhưng điều kiện tổ chức hoạt động chưa đồng bộ hoặc nguồn lực bố trí không phù hợp quy mô thực tế.

III. CƠ SỞ THỰC TIỄN

Hà Tĩnh có 07 xã biên giới đất liền thuộc phạm vi xây dựng trường PTNT liên cấp TH&THCS, gồm Sơn Kim 1, Sơn Kim 2, Sơn Hồng, Hương Khê, Hương Xuân, Hương Bình và Vũ Quang. Mạng lưới cơ sở giáo dục tại các địa bàn có sự khác nhau, nhất là sau khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục theo Phương án phê duyệt tại Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 03/8/2026, điều chỉnh tại Quyết

¹ UBND tỉnh đã đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo đầu tư xây dựng tại Văn bản số 2331/UBND-XD ngày 25/3/2026 và Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xác nhận danh mục tại Văn bản số 1989/BGDĐT-KHTC ngày 17/4/2026; UBND tỉnh đã ban hành các quyết định phê duyệt các dự án.

định số 2068/QĐ-UBND ngày 15/8/2026. Sau khi hình thành trường PTNT, có địa phương tổ chức 01 trường PTNT liên cấp, có địa phương đồng thời duy trì trường TH, THCS hoặc trường liên cấp khác. Vì vậy, quy mô và phạm vi tuyển sinh của từng trường phải được xác định gắn với mạng lưới trường học thực tế của từng địa bàn. Quá trình xây dựng Đề án, các địa phương đã rà soát nguồn tuyển, số lớp, số học sinh theo từng cấp học, nhu cầu nội trú và bán trú buổi trưa của từng trường theo từng năm học đến năm 2029 - 2030.

Năm học 2026 - 2027, 02 trường đưa vào hoạt động gồm trường PTNT TH & THCS Sơn Kim 1 và trường PTNT TH & THCS Hương Khê có tổng quy mô 75 lớp, 2.881 học sinh; trong đó trường PTNT TH & THCS Sơn Kim 1 có 36 lớp/1.241 học sinh, trường PTNT TH & THCS Hương Khê có 39 lớp/1.640 học sinh. Từ năm học 2027 - 2028, khi 07 trường dự kiến cùng hoạt động, tổng quy mô là 217 lớp, 7.604 học sinh; quy mô từng trường dao động từ 22 đến 38 lớp và từ 762 đến 1.519 học sinh. Kết quả dự báo cho thấy quy mô các trường phổ thông nội trú có sự biến động giữa các năm: năm học 2028 - 2029 dự kiến có 211 lớp, 7.223 học sinh và năm học 2029 - 2030 còn 208 lớp, 7.031 học sinh. Mức độ biến động giữa các trường và giữa cấp TH, THCS cũng khác nhau; đồng thời nhu cầu nội trú, bán trú buổi trưa thay đổi theo từng trường, từng năm học. Thực tiễn khảo sát trên là cơ sở để Đề án xác định quy mô theo hướng dự báo, linh hoạt. Hằng năm, căn cứ nguồn tuyển sinh thực tế, nhu cầu nội trú, bán trú, điều kiện đi lại, mạng lưới trường học và khả năng đáp ứng của từng trường, quy mô tuyển sinh được tiếp tục rà soát, cập nhật; trên cơ sở đó điều chỉnh tương ứng nhu cầu số lượng người làm việc, cơ sở vật chất và kinh phí vận hành, bảo đảm sử dụng nguồn lực phù hợp, hiệu quả.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Tổ chức và vận hành hệ thống trường PTNT trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đồng bộ, an toàn, hiệu quả, phù hợp với quy mô học sinh, điều kiện thực tế của từng địa bàn và lộ trình đưa các trường vào hoạt động; phát huy hiệu quả cơ sở vật chất được đầu tư, đáp ứng yêu cầu dạy học, giáo dục, quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo vệ học sinh.

- Xác lập cơ chế tổ chức, quản lý và phối hợp thống nhất đối với các trường PTNT; xác định rõ quy mô, phạm vi và đối tượng tuyển sinh; tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và số lượng người làm việc; phương thức tổ chức dạy học, nội trú, bán trú, bữa ăn, chăm sóc sức khỏe; thực hiện chế độ, chính sách; quản lý tài chính, tài sản và bảo đảm an ninh, an toàn.

- Bảo đảm các trường được chuẩn bị đầy đủ các điều kiện trước khi tiếp nhận học sinh và đưa vào hoạt động theo lộ trình; đồng thời thiết lập cơ chế rà soát, điều chỉnh hằng năm về quy mô tuyển sinh, số lượng người làm việc, cơ sở vật

chất và kinh phí theo biến động thực tế, bảo đảm sử dụng nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả.

2. Mục tiêu cụ thể

- Vận hành ổn định Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1 và Trường PTNT TH&THCS Hương Khê từ năm học 2026 - 2027.

- Chuẩn bị đầy đủ nguồn lực, các điều kiện đảm bảo để các trường PTNT TH&THCS tại các xã Hương Xuân, Hương Bình, Sơn Kim 2, Sơn Hồng và Vũ Quang được đưa vào vận hành theo lộ trình từ năm học 2027 - 2028.

- 100% trường trước khi tiếp nhận học sinh phải đảm bảo các điều kiện bàn giao, nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

- 100% học sinh được quản lý liên tục trong thời gian học tập, ăn, ở tại trường; có nội quy, lịch trực, quy trình bàn giao và xử lý tình huống.

- 100% học sinh thuộc đối tượng chính sách được rà soát, lập hồ sơ và thực hiện đầy đủ, đúng đối tượng, đúng thời gian, đúng phương thức.

V. YÊU CẦU

- Việc tổ chức và vận hành các trường PTNT phải tuân thủ quy định của pháp luật, nhất là Thông tư 12/2026/TT-BGDĐT, Nghị định 188/2026/NĐ-CP và các quy định có liên quan; bảo đảm thống nhất trong toàn tỉnh nhưng phù hợp với đặc điểm, quy mô và điều kiện của từng trường.

- Gắn chặt tiến độ đầu tư, nghiệm thu và bàn giao công trình với việc chuẩn bị tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng người làm việc, tuyển sinh, kinh phí và các điều kiện vận hành; chỉ đưa các hạng mục liên quan vào sử dụng khi đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định, nhất là các điều kiện liên quan trực tiếp đến sức khỏe và an toàn học sinh.

- Xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu; tăng cường phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành liên quan, UBND cấp xã, nhà trường, Công an, Bộ đội Biên phòng, cơ sở y tế và gia đình học sinh; bảo đảm các nhiệm vụ từ tuyển sinh, quản lý học sinh, tổ chức ăn ở đến xử lý tình huống đều có đầu mối chịu trách nhiệm.

- Lấy học sinh làm trung tâm của quá trình tổ chức và vận hành; bảo đảm quyền lợi, chế độ, chính sách, sức khỏe thể chất và tinh thần; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, kỷ cương, thân thiện, phù hợp tâm sinh lý lứa tuổi và đặc thù học sinh khu vực biên giới.

VI. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi: Các trường PTNT thuộc chủ trương, kế hoạch đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030, trọng tâm là các trường PTNT TH&THCS tại các xã biên giới đất liền được thành lập, đầu tư và đưa vào hoạt động theo lộ trình.

2. Đối tượng thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các xã có trường PTNT; các trường PTNT, học sinh các trường PTNT và các cơ sở giáo dục có liên quan đến việc sắp xếp, chuyển tiếp học sinh, viên chức, người lao động, tài sản và hồ sơ.

3. Phân cấp quản lý: Các trường PTNT TH&THCS thuộc Đề án do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập và UBND cấp xã quản lý theo quy định tại Thông tư 12/2026/TT-BGDĐT. Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện chức năng quản lý nhà nước, chủ trì phối hợp với UBND cấp xã về tuyển sinh, chuyên môn, tổ chức hoạt động giáo dục, vị trí việc làm, số lượng người làm việc và các nội dung thuộc thẩm quyền.

PHẦN II

QUY MÔ, MẠNG LƯỚI VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC, VẬN HÀNH

I. QUY MÔ CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG NỘI TRÚ

1. Quy mô trường phổ thông nội trú

Quy mô và chỉ tiêu tuyển sinh của từng trường được xác định từ kết quả khảo sát của địa phương, bao gồm tổng số lớp, số học sinh theo cấp học, nhu cầu bán trú buổi trưa và nhu cầu nội trú. Đây là dữ liệu đầu vào thống nhất, sử dụng xuyên suốt Đề án để xác định phương án tuyển sinh, tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng người làm việc, quản lý học sinh, tổ chức ăn ở và lập dự toán kinh phí. Quy mô được rà soát theo từng năm học, cấp học trong giai đoạn 2026 - 2030.

Năm học 2026 - 2027 mới vận hành 02 trường với tổng quy mô 75 lớp, 2.881 học sinh. Từ năm học 2027 - 2028, khi 07 trường cùng vận hành theo lộ trình, quy mô dự kiến 217 lớp, 7.604 học sinh; đến năm học 2029 - 2030 còn 208 lớp, 7.031 học sinh. Như vậy, trong 03 năm 2027 - 2030, toàn hệ thống dự kiến giảm 09 lớp và 573 học sinh.

Cơ cấu nhu cầu nội trú và bán trú thay đổi theo từng năm học. Năm học 2026 - 2027 hai trường PTNT TH&THCS ở xã Sơn Kim 1 và xã Hương Khê có 2.759 học sinh nhu cầu bán trú và 83 học sinh nhu cầu nội trú; năm học 2027 - 2028 toàn hệ thống có 7.055 học sinh nhu cầu bán trú và 309 học sinh nhu cầu nội trú.

Theo Điều 16 Thông tư 12/2026/TT-BGDĐT: Tổng diện tích đất xây dựng mỗi trường từ 5 ha đến 10 ha, quy mô khoảng 30 lớp/trường, tương ứng với khoảng 1.000 học sinh/trường; đối với những địa bàn xã biên giới đất liền có đặc thù địa hình chia cắt, hiểm trở, thiếu mặt bằng, dân cư thưa thớt, mật độ thấp, tổng diện tích đất xây dựng mỗi trường có thể nhỏ hơn 5 ha, nhưng phải bảo đảm không thấp hơn diện tích đất tối thiểu đã quy định trong tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường phổ thông và quy mô học sinh có thể ít hơn 30 lớp, tương ứng dưới 1.000 học sinh/trường; đối với những địa bàn xã biên giới đất liền có dân cư tập trung đông, mật độ dân số cao, quy mô có thể lớn hơn 30 lớp/trường, tương ứng trên 1.000 học sinh/trường, nhưng phải bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng đáp ứng của cơ sở vật chất.

2. Quy mô theo năm học và lộ trình vận hành

a) Năm học 2026 - 2027

Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1 có 36 lớp/1.241 học sinh, gồm 15 lớp tiểu học/444 học sinh và 21 lớp THCS/797 học sinh; nhu cầu bán trú 1.228 học sinh, nhu cầu nội trú 13 học sinh. Trường PTNT TH&THCS Hương Khê có 39

lớp/1.640 học sinh, gồm 14 lớp tiểu học/484 học sinh và 25 lớp THCS/1.156 học sinh; nhu cầu bán trú 1.531 học sinh, nhu cầu nội trú 70 học sinh.

b) Từ năm học 2027 - 2028

Quy mô từng trường năm học 2027 - 2028 dao động từ 22 đến 38 lớp và từ 762 đến 1.519 học sinh. Trường PTNT TH&THCS Hương Khê có quy mô lớn nhất 38 lớp/1.519 học sinh; tiếp theo là Trường PTNT TH&THCS Hương Xuân 37 lớp/1.314 học sinh; Trường PTNT TH&THCS Sơn Hồng 36 lớp/1.149 học sinh; Trường PTNT TH&THCS Vũ Quang 32 lớp/1.149 học sinh; Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1 có 28 lớp/907 học sinh; Trường PTNT TH&THCS Hương Bình 24 lớp/762 học sinh và Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 2 có 22 lớp/804 học sinh.

Đến năm học 2029 - 2030, quy mô các trường tiếp tục biến động: Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1 còn 25 lớp/751 học sinh; Trường PTNT TH&THCS Hương Khê 37 lớp/1.399 học sinh; Trường PTNT TH&THCS Hương Xuân 36 lớp/1.213 học sinh; Trường PTNT TH&THCS Hương Bình 23 lớp/752 học sinh; Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 2 có 21 lớp/745 học sinh; Trường PTNT TH&THCS Sơn Hồng 36 lớp/1.132 học sinh; Trường PTNT TH&THCS Vũ Quang 30 lớp/1.039 học sinh.

(Có Phụ lục 01 kèm theo)

3. Định hướng phân bố, tổ chức mạng lưới và phương án chuyển tiếp, ổn định học tập cho học sinh

a) Định hướng phân bố, tổ chức mạng lưới

Các trường PTNT liên cấp được tổ chức gắn với mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, số lượng người làm việc hiện có. Việc tổ chức trường PTNT đồng thời xác định rõ mối quan hệ với các cơ sở giáo dục phổ thông hiện hữu, bảo đảm phân bố hợp lý quy mô trường, học sinh và phạm vi tuyển sinh.

Cụ thể: xã Hương Xuân bố trí 01 trường tiểu học và 01 trường PTNT liên cấp; xã Hương Bình bố trí 02 trường liên cấp TH&THCS, trong đó có 01 trường PTNT; xã Hương Khê bố trí 01 trường TH, 01 trường THCS và 01 trường PTNT liên cấp; xã Sơn Kim 1, xã Sơn Kim 2 và xã Sơn Hồng, mỗi địa bàn bố trí 01 trường PTNT liên cấp; xã Vũ Quang bố trí 02 trường liên cấp TH&THCS, trong đó có 01 trường PTNT.

b) Phương án chuyển tiếp và ổn định hệ thống

Việc hình thành và đưa các trường PTNT vào hoạt động được thực hiện theo lộ trình, phù hợp với tiến độ đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất và khả năng bố trí số lượng người làm việc, bảo đảm hoạt động giáo dục được triển khai liên tục, ổn định, không làm gián đoạn việc học tập của học sinh.

Năm học 2026 - 2027, đưa vào hoạt động Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1 và Trường PTNT TH&THCS Hương Khê; năm học 2027 - 2028, đưa vào hoạt động 05 trường PTNT liên cấp còn lại.

Trong quá trình chuyển tiếp, thực hiện đồng bộ việc tiếp nhận, sắp xếp học sinh; bố trí cán bộ quản lý, giáo viên và nhân sự hỗ trợ giáo dục; bàn giao, quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, tài sản; chuyển giao hồ sơ, học bạ, dữ liệu học sinh và các hồ sơ có liên quan. Quá trình chuyển tiếp phải bảo đảm tính liên tục, ổn định của hoạt động giáo dục, không làm xáo trộn đối với học sinh, viên chức, người lao động và gia đình học sinh.

II. PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH

1. Nguyên tắc và đối tượng tuyển sinh

Tuyển sinh thực hiện theo Điều 8 Thông tư 12/2026/TT-BGDĐT và Quy chế tuyển sinh theo từng cấp học; bảo đảm công bằng, khách quan, minh bạch. Đối tượng tuyển sinh là học sinh trong độ tuổi theo quy định đối với từng cấp học, thường trú tại xã biên giới nơi trường đặt trụ sở hoặc các xã biên giới liền kề, hoặc là con cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang đang công tác tại xã biên giới.

2. Kế hoạch và tổ chức tuyển sinh

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp UBND cấp xã lập kế hoạch tuyển sinh các trường PTNT trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt, ban hành. Kế hoạch phải xác định rõ đối tượng, chỉ tiêu, địa bàn, phương thức, tiêu chí, thời gian tuyển sinh, công bố kết quả và tách riêng chỉ tiêu học sinh nội trú, học sinh bán trú buổi trưa của từng trường.

- Hội đồng tuyển sinh được thành lập theo Quy chế tuyển sinh phù hợp từng cấp học; thành phần có đại diện một số cơ quan liên quan theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn đăng ký, tiêu chí tuyển sinh học sinh nội trú/bán trú và phê duyệt kết quả tuyển sinh theo quy định.

- Đối với cấp tiểu học, việc tuyển sinh học sinh nội trú từ lớp 1 đến lớp 3 do UBND tỉnh quyết định căn cứ điều kiện thực tiễn tại địa phương.

- Trường PTNT chỉ tuyển sinh học sinh nước láng giềng khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ và theo quy định pháp luật; trường hợp có tuyển sinh phải có phương án dạy tiếng Việt, quản lý và hỗ trợ học sinh phù hợp.

3. Địa bàn tuyển sinh dự kiến

a) Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1

Tuyển sinh học sinh thường trú tại xã Sơn Kim 1; con cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang đang công tác tại xã Sơn Kim 1.

b) Trường PTNT TH&THCS Hương Khê

Tuyển sinh học sinh thường trú tại xã Hương Khê, các xã biên giới liền kề và con cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang đang công tác tại xã Hương Khê và các xã biên giới liền kề.

c) Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 2

Tuyển sinh học sinh thường trú tại xã Sơn Kim 2; con cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang đang công tác tại xã Sơn Kim 2.

d) Trường PTNT TH&THCS Vũ Quang

Tuyển sinh học sinh thường trú tại xã Vũ Quang; con cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang đang công tác tại xã Vũ Quang.

e) Trường PTNT TH&THCS Sơn Hồng

Tuyển sinh học sinh thường trú tại xã Sơn Hồng; con cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang đang công tác tại xã Sơn Hồng.

f) Trường PTNT TH&THCS Hương Xuân

Tuyển sinh học sinh thường trú tại xã Hương Xuân; con cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang đang công tác tại xã Hương Xuân.

g) Trường PTNT TH&THCS Hương Bình

Tuyển sinh học sinh thường trú tại xã Hương Bình; con cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang đang công tác tại xã Hương Bình.

Địa bàn tuyển sinh nêu trên là phương án dự kiến để tổ chức hệ thống. Địa bàn, đối tượng và chỉ tiêu cụ thể của từng năm học được rà soát, xác định trong kế hoạch tuyển sinh và quyết định của cấp có thẩm quyền trên cơ sở quy định hiện hành, biến động dân cư, nguồn tuyển sinh và khả năng đáp ứng của từng trường.

4. Chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh

- Chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm của từng trường được xác định tại Phụ lục 02 kèm theo Đề án. Trường hợp số lượng học sinh đăng ký tuyển sinh vượt hoặc thấp hơn chỉ tiêu, thực hiện rà soát, điều chỉnh việc tuyển sinh phù hợp với quy mô, điều kiện thực tế của nhà trường và quy định hiện hành, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

- Phương thức tuyển sinh: xét tuyển theo quy định. Trường hợp số đăng ký cao hơn chỉ tiêu, áp dụng tiêu chí/phương thức được phê duyệt; trường hợp thấp hơn chỉ tiêu, rà soát nguyên nhân và điều chỉnh quy mô phù hợp, không tuyển sai đối tượng để đủ số lượng.

Nguyên tắc xét tuyển học sinh nội trú thực hiện theo thứ tự ưu tiên tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 12/2026/TT-BGDĐT: (1) học sinh không có nguồn nuôi dưỡng, học sinh khuyết tật, học sinh dân tộc thiểu số rất ít người thuộc diện ưu tiên; (2) con liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thương binh, bệnh binh và đối tượng chính sách người có công; (3) học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo; (4) học sinh thường trú tại thôn đặc biệt khó khăn hoặc địa bàn nhà cách xa trường không thể đi đến trường và trở về trong ngày do UBND tỉnh quy định; (5) các đối tượng còn lại thuộc kế hoạch tuyển sinh. Nếu tại cùng một mức ưu tiên số đăng ký vượt chỉ tiêu còn lại, thực hiện tiêu chí do Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn.

5. Tiếp nhận học sinh đầu cấp, học sinh nhỏ tuổi

Tổ chức tiếp nhận theo lộ trình phù hợp, ưu tiên bảo đảm an toàn, sức khỏe, tâm lý và khả năng thích nghi của học sinh; tăng cường phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong thời gian đầu học sinh vào nội trú. Bố trí lớp học, nơi ở, sinh hoạt và chế độ chăm sóc phù hợp với từng độ tuổi; tăng cường cán bộ, giáo viên,

nhân sự quản lý, hỗ trợ học sinh, nhất là học sinh lớp 1 và học sinh lần đầu tham gia học tập, sinh hoạt nội trú.

III. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC BỘ MÁY, VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

1. Nguyên tắc xác định vị trí việc làm và bố trí số lượng người làm việc

Tổ chức bộ máy, xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc thực hiện theo Nghị định 232/2026/NĐ-CP, Thông tư 12/2026/TT-BGDĐT, Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT, Điều lệ trường phổ thông và các quy định về phân cấp, ủy quyền hiện hành; phù hợp quy mô lớp, học sinh, cơ cấu cấp học và đặc thù tổ chức dạy học, quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc học sinh. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện, hướng dẫn việc bố trí, sử dụng nhân sự và tuyển dụng viên chức theo chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, ủy quyền; các địa phương, đơn vị phối hợp và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền.

Việc bố trí nhân lực phải bảo đảm đồng bộ giữa cán bộ quản lý, giáo viên với nhân sự hỗ trợ giáo dục và lực lượng trực tiếp phục vụ hoạt động nội trú; ưu tiên đủ nhân sự trực tiếp quản lý học sinh, y tế, tư vấn tâm lý, cấp dưỡng, bảo vệ, vệ sinh và vận hành cơ sở vật chất. Ưu tiên sắp xếp, điều động nguồn nhân lực hiện có; tuyển dụng đối với nhu cầu ổn định, lâu dài; đối với công việc hỗ trợ, phục vụ có thể thuê/cung ứng dịch vụ thì lựa chọn phương án hiệu quả, đúng quy định.

2. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức thực hiện theo Điều lệ trường phổ thông và Điều 7 Thông tư 12/2026/TT-BGDĐT. Ngoài ra, Hiệu trưởng được quyết định thành lập không quá 03 tổ giáo dục đặc thù trên cơ sở đội ngũ giáo viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục hiện có, thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm để hỗ trợ quản lý, giáo dục, nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh nội trú, bán trú buổi trưa; không làm phát sinh đầu mối biên chế riêng. Mỗi tổ có tổ trưởng, trường hợp tổ có từ 07 thành viên trở lên thì được bố trí thêm tổ phó.

Các tổ giáo dục đặc thù xây dựng kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, học kỳ, năm học; phối hợp với tổ chuyên môn trong kế hoạch giáo dục; sinh hoạt ít nhất 01 lần trong 02 tuần và họp đột xuất khi cần. Hiệu trưởng bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó theo quy định và chịu trách nhiệm phân công nhiệm vụ rõ ràng, tránh chồng chéo giữa tổ đặc thù, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.

Để bảo đảm khả năng vận hành, từng trường căn cứ thực tế có thể phân công nhiệm vụ các tổ giáo dục đặc thù theo các nhóm công việc như: quản lý nội trú và nề nếp học sinh; hoạt động giáo dục đặc thù, văn hóa - thể thao - kỹ năng sống; nuôi dưỡng, an toàn và hỗ trợ điều kiện sinh hoạt. Việc phân nhóm này là phương án tổ chức nội bộ, Hiệu trưởng quyết định trong giới hạn không quá 03 tổ và phù hợp với số lượng người làm việc hiện có.

Đối với quản lý nội trú, phải xác định rõ đầu mối chịu trách nhiệm theo từng khu vực, nhóm học sinh và khung thời gian; bảo đảm không có thời điểm, khu vực hoặc nhóm học sinh không được giao người chịu trách nhiệm quản lý.

3. Nhóm vị trí và căn cứ xác định nhu cầu

Việc xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc căn cứ theo Thông tư 12/2026/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Giáo viên tiểu học: Theo quy định danh mục vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc của trường tiểu học tại Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT.

- Giáo viên THCS: Theo quy định danh mục vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc của trường phổ thông dân tộc nội trú cấp THCS tại Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT; chế độ làm việc thực hiện theo định mức tiết dạy tương ứng quy định tại Thông tư 05/2025/TT-BGDĐT.

- Nhân sự hỗ trợ giáo dục: Việc xác định danh mục vị trí việc làm và định mức số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục trong trường PTNT thực hiện theo nguyên tắc xác định vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc đối với trường phổ thông có nhiều cấp học quy định tại Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT. Danh mục vị trí việc làm và định mức số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục trong trường PTNT thực hiện theo quy định về danh mục vị trí việc làm và định mức số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục đối với trường phổ thông dân tộc nội trú cùng cấp với cấp học cao nhất trong trường PTNT. Số lớp hoặc số học sinh làm căn cứ xác định số lượng người làm việc là tổng số lớp hoặc tổng số học sinh của tất cả các cấp học trong trường PTNT.

4. Nhu cầu số lượng người làm việc dự kiến theo định mức

Việc tính toán số lượng người làm việc theo quy mô trường, lớp, học sinh và định mức của ngành giáo dục là căn cứ xác định nhu cầu; không đồng nghĩa với số lượng người làm việc hoặc biên chế được cấp có thẩm quyền giao. Việc giao, điều chỉnh số lượng người làm việc thực hiện theo thẩm quyền, trên cơ sở rà soát, sắp xếp, bố trí nguồn nhân lực hiện có và khả năng cân đối số lượng người làm việc của tỉnh.

Nhu cầu đội ngũ được xác định theo quy mô của từng năm học; trong đó giáo viên chủ yếu căn cứ số lớp, cơ cấu cấp học và môn học, còn nhân sự hỗ trợ nội trú căn cứ số học sinh nội trú, bán trú và phương thức tổ chức ăn ở. Quy mô đội ngũ dự kiến được xác định căn cứ nhu cầu dự kiến theo quy mô trường, lớp tại thời điểm xây dựng Đề án.

Năm học 2026 - 2027, đối với 02 trường đưa vào vận hành gồm Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1 và Trường PTNT TH&THCS Hương Khê đội ngũ giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng được nhu cầu tối thiểu để vận hành.

Từ năm học 2027 - 2028, khi toàn bộ 7 trường PTNT liên cấp trên địa bàn tỉnh đi vào hoạt động, tùy theo quy mô lớp, học sinh hàng năm để thực hiện giao biên chế, tuyển dụng, điều động, hợp đồng lao động phù hợp để đáp ứng tối thiểu nhu cầu giáo viên theo quy định tại Thông tư 12/2026/TT-BGDĐT.

Hàng năm, căn cứ kết quả tuyển sinh, số lớp thực tế, cơ cấu môn học, yêu cầu tổ chức dạy học và hoạt động nội trú, các trường và UBND cấp xã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát lại nhu cầu số lượng người làm việc; đối chiếu với biên chế, hợp đồng được giao, số lượng người làm việc hiện có để thực hiện bố trí, điều động, tuyển dụng hoặc các giải pháp phù hợp theo quy định.

5. Phương án bố trí, tuyển dụng, hợp đồng và cung ứng dịch vụ

- Căn cứ các quy định hiện hành để rà soát, thống kê, đánh giá số lượng người làm việc hiện có, nhu cầu theo từng cấp học, môn học, vị trí việc làm và phương thức bố trí cán bộ quản lý, giáo viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đối với từng trường PTNT. Trên cơ sở rà soát nhu cầu, thực hiện điều chỉnh giao biên chế để xây dựng phương án, lộ trình tuyển dụng, tiếp nhận, điều động nhà giáo, nhân viên hỗ trợ trường học. Trường hợp chưa thực hiện được việc tuyển dụng, điều động thì thực hiện hợp đồng theo Nghị định 235/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, biệt phái, chuyển chuyển, bố trí và sử dụng viên chức theo chức năng, nhiệm vụ, phân cấp và ủy quyền hiện hành; phối hợp UBND cấp xã và đơn vị liên quan xác định nhu cầu từng trường.

- Đối với hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ Nghị định 235/2026/NĐ-CP và Văn bản số 7472/UBND-NC₂ ngày 29/7/2026 của UBND tỉnh để rà soát loại công việc, đối tượng, số lượng, thẩm quyền ký kết, hình thức và thời hạn hợp đồng, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của các bên; người đứng đầu chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng thẩm quyền, quy trình.

- Đối với các công việc hỗ trợ, phục vụ như nấu ăn, vệ sinh, bảo vệ và dịch vụ cần thiết khác, trường hợp không bố trí được nhân sự có thể thực hiện thuê, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định.

- Khi quy mô lớp, học sinh hoặc hình thức nội trú/bán trú thay đổi, phải rà soát lại nhu cầu trước khi tuyển mới hoặc ký hợp đồng mới; ưu tiên điều hòa, bố trí lại số lượng người làm việc để hạn chế phát sinh thừa số lượng người làm việc khi quy mô giảm.

6. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân sự hỗ trợ giáo dục

- Tổ chức tập huấn trước vận hành và định kỳ về quản lý nội trú, chăm sóc học sinh, tư vấn tâm lý, bảo vệ trẻ em, sơ cấp cứu, phòng chống bạo lực và xâm hại, Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC-CNCH), an toàn thực phẩm, y tế trường học, phòng chống thiên tai, tai nạn thương tích và đuối nước.

- Kết hợp tập huấn quy định với xử lý tình huống thực tế; khai thác kinh nghiệm của các trường dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục có kinh nghiệm tổ chức bán trú và bếp ăn.

- Phân công rõ trách nhiệm Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND xã và nhà trường trong xác định nhu cầu, cử người tham gia và đánh giá kết quả sau tập huấn.

IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC DẠY HỌC, QUẢN LÝ, NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC VÀ BẢO ĐẢM AN NINH, AN TOÀN CHO HỌC SINH

1. Tổ chức dạy học và giáo dục

a) Tổ chức dạy học

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày phù hợp với điều kiện thực tế của từng trường, bảo đảm thực hiện đầy đủ Chương trình giáo dục phổ thông và kế hoạch thời gian năm học. Xây dựng kế hoạch giáo dục thống nhất giữa các cấp học, phù

hợp với đặc điểm học sinh và điều kiện nhà trường; tổ chức hợp lý hoạt động tự học, phụ đạo, hỗ trợ học sinh còn hạn chế về kiến thức, kỹ năng và khả năng sử dụng tiếng Việt.

b) Giáo dục toàn diện

Tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, kỹ năng tự phục vụ, tự quản; giáo dục truyền thống, văn hóa địa phương, lịch sử, chủ quyền biên giới quốc gia, pháp luật, quốc phòng và an ninh. Chú trọng giáo dục phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước, xâm hại, bạo lực học đường, thiên tai và sử dụng môi trường mạng an toàn.

c) Hoạt động giáo dục đặc thù

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, lao động, văn hóa, văn nghệ, thể thao phù hợp với lứa tuổi và điều kiện thực tế; phát huy vai trò của giáo viên chủ nhiệm, tổ chức Đội, Đoàn, cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội trong giáo dục, quản lý học sinh. Triển khai dạy học tiếng Lào, phù hợp với nhu cầu và điều kiện của địa phương.

d) Quản lý, chăm sóc và bảo đảm an toàn cho học sinh

Quản lý học sinh liên tục trong thời gian học tập, ăn, ở tại trường; bố trí thời gian biểu hợp lý giữa học tập, tự học, ăn, nghỉ, rèn luyện thể chất và sinh hoạt cá nhân. Thực hiện quản lý ra, vào trường, kiểm tra phòng ở và các biện pháp bảo đảm an toàn phù hợp, tôn trọng quyền riêng tư, nhân phẩm, tâm lý và đặc điểm giới tính của học sinh; tăng cường phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong quản lý, chăm sóc học sinh.

e) Chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo

Đẩy mạnh sử dụng cơ sở dữ liệu ngành, hồ sơ điện tử và các phần mềm quản lý trong quản trị nhà trường, dạy học và hỗ trợ học sinh. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo phải bảo đảm hiệu quả, an toàn dữ liệu, phù hợp quy định và không thay thế trách nhiệm chuyên môn, quyết định của cán bộ quản lý, giáo viên.

2. Tổ chức nội trú, bán trú buổi trưa và bữa ăn học đường

a) Định hướng mô hình tổ chức

Căn cứ quy mô và nhu cầu nội trú, bán trú buổi trưa của từng trường, UBND cấp xã chỉ đạo nhà trường xây dựng phương án tổ chức phù hợp. Phương án phải làm rõ số lượng, đối tượng học sinh; thời gian tổ chức; khu vực ăn, ở, nghỉ, sinh hoạt; phương thức tổ chức bữa ăn; nhân sự quản lý, chăm sóc, phục vụ; nguồn kinh phí; điều kiện an toàn và cơ chế phối hợp với gia đình, cơ quan, lực lượng liên quan.

Đối với các trường đưa vào vận hành từ năm học 2026 - 2027, phương án phải hoàn thiện trước khi tiếp nhận học sinh. Đối với các trường vận hành ở giai đoạn tiếp theo, phương án được chuẩn bị đồng bộ với tiến độ đầu tư, thành lập trường, tuyển sinh và bố trí số lượng người làm việc; cập nhật theo quy mô học sinh thực tế trước từng năm học.

b) Phương án tổ chức nấu ăn

- Tổ chức bếp ăn tập thể cho học sinh nội trú, cho học sinh bán trú buổi trưa tại trường đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm.

+ Người thực hiện công việc phục vụ, hỗ trợ tổ chức bếp ăn tập thể cho học sinh nội trú (xây dựng và thực hiện chế độ dinh dưỡng, quản lý gạo và thực phẩm, theo dõi, quản lý học sinh ăn nghỉ nội trú, buổi trưa ...): Thực hiện tuyển dụng hoặc hợp đồng theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao, việc tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động thực hiện theo quy định của pháp luật; bố trí viên chức hiện có làm việc kiêm nhiệm.

+ Phối hợp Ban đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức có liên quan xây dựng chế độ dinh dưỡng đối với bữa ăn học đường đáp ứng yêu cầu theo quy định, phù hợp nguồn kinh phí hỗ trợ.

- Cung cấp suất ăn cho bếp ăn tập thể có thể thực hiện một trong hai phương án: Trường tự tổ chức nấu ăn hoặc ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu thực hiện.

+ Trường hợp trường tự tổ chức nấu ăn: Lựa chọn đơn vị cung cấp thực phẩm đáp ứng yêu cầu, việc lựa chọn đơn vị cung cấp thực phẩm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các văn bản hướng dẫn; căn cứ quy mô học sinh, yêu cầu nhiệm vụ, Hiệu trưởng trường quyết định số lượng lao động hợp đồng phục vụ nấu ăn đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, việc ký kết hợp đồng thực hiện theo quy định tại Nghị định 235/2026/NĐ-CP; rà soát, mua sắm, bổ sung, sửa chữa, sử dụng dụng cụ nhà ăn, nhà bếp hiện có.

+ Trường hợp ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu thực hiện: Việc lựa chọn đơn vị cung cấp, ký kết và thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan. Giá hợp đồng phải cụ thể được các chi phí cấu thành (chế độ dinh dưỡng, công nấu ăn, khấu hao dụng cụ nhà bếp; không bao gồm gạo: do nhà trường cung cấp cho đơn vị dịch vụ thực hiện) để làm căn cứ kiểm tra, giám sát thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với học sinh, công khai chế độ dinh dưỡng và chi phí đối với cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan, làm căn cứ để nhà trường sử dụng đúng mục đích các nguồn hỗ trợ của nhà nước;

Nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức giám sát chất lượng bữa ăn, bảo đảm đúng đối tượng, đúng số lượng, an toàn và quyền lợi của học sinh.

c) Điều kiện an toàn thực phẩm đối với bếp ăn và đơn vị cung cấp suất ăn

- Đối với đơn vị cung cấp suất ăn/dịch vụ ăn uống, hồ sơ pháp lý và điều kiện an toàn thực phẩm phải được kiểm tra trước khi ký kết và trong quá trình thực hiện; tối thiểu gồm đăng ký kinh doanh, hồ sơ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp chế biến theo quy định, hồ sơ/tài liệu chứng minh đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm, hồ sơ chứng minh nguồn gốc nguyên liệu, thực phẩm và giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong trường hợp pháp luật yêu cầu.

- Nguồn nước uống và nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, chế biến phải đáp ứng quy chuẩn, quy định hiện hành; nhà trường/đơn vị cung cấp lưu hồ

sơ kiểm tra, giám sát chất lượng nước theo yêu cầu của cơ quan y tế. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng nguồn nước uống, nước sinh hoạt; bảo đảm vệ sinh môi trường, thu gom và xử lý chất thải, vệ sinh khu bếp, nhà ăn, khu vệ sinh, khu tắm và khu nội trú theo quy định.

- Bếp ăn tập thể thực hiện kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn theo hướng dẫn của Bộ Y tế; thiết bị, phương tiện vận chuyển, bảo quản thực phẩm phải bảo đảm vệ sinh, không gây ô nhiễm thực phẩm.

- Người trực tiếp chế biến thực phẩm phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và đáp ứng điều kiện sức khỏe; không tham gia sản xuất, chế biến khi mắc các bệnh thuộc nhóm không được trực tiếp kinh doanh thực phẩm theo hướng dẫn chuyên ngành y tế.

- Nhà trường chịu trách nhiệm trong bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm hàng ngày; giám sát thường xuyên và lưu hồ sơ phục vụ truy xuất, kiểm tra. Sở Y tế và cơ quan y tế địa phương phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, xử lý sự cố theo chức năng, nhiệm vụ.

d) Dinh dưỡng, công khai và quản lý kinh phí bữa ăn

- Xây dựng thực đơn theo ngày, tuần, mùa; bảo đảm năng lượng và dinh dưỡng phù hợp lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, thời lượng học tập và sinh hoạt; có phương án đối với học sinh cần chế độ ăn đặc thù theo hướng dẫn của cơ sở y tế.

- Thực hiện công khai thực đơn, số lượng suất ăn, định lượng và nguồn kinh phí hình thành bữa ăn theo quy định; tạo điều kiện để cha mẹ học sinh tham gia giám sát phù hợp nhưng không làm ảnh hưởng hoạt động chuyên môn, quyền riêng tư và an toàn của học sinh.

- Kinh phí bữa ăn được quản lý đúng nguồn, đúng đối tượng, đúng mục đích, mức hưởng và phương thức thực hiện chính sách; hồ sơ, chứng từ, thanh toán, quyết toán đầy đủ, minh bạch; không sử dụng kinh phí hỗ trợ ăn cho mục đích khác.

- Tăng cường kiểm tra chất lượng bữa ăn, an toàn thực phẩm, vệ sinh bếp - nhà ăn, thu gom và xử lý chất thải; bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc và xử lý kịp thời khi phát hiện nguy cơ.

3. Quản lý học sinh nội trú, bán trú buổi trưa

a) Nguyên tắc quản lý liên tục

Các trường tổ chức quản lý học sinh liên tục trong toàn bộ thời gian học sinh ở lại trường; phân công rõ trách nhiệm theo khu vực, nhóm học sinh, thời gian và ca trực, bảo đảm không có khoảng thời gian hoặc khu vực học sinh không có người chịu trách nhiệm quản lý, hỗ trợ và xử lý tình huống.

Yêu cầu có người quản lý 24/24 giờ tại khu nội trú được thực hiện thông qua tổ chức ca trực phù hợp. Việc phân công phải phù hợp vị trí việc làm, số lượng người làm việc, chế độ và thời giờ làm việc theo quy định.

b) Tổ chức trực

- Xây dựng lịch trực lãnh đạo, trực quản lý học sinh nội trú, y tế, bảo vệ và bộ phận phục vụ; phân công rõ theo khu vực, nhóm học sinh và khung thời gian.

- Quy định bàn giao ca trực, ghi sổ, điểm danh học sinh, tiếp nhận thông tin, xử lý và báo cáo vụ việc; có danh bạ đầu mối khẩn cấp.

- Có quy trình cụ thể đối với học sinh ốm đau, tai nạn, mất liên lạc, tự ý rời khu nội trú hoặc vụ việc liên quan an ninh, an toàn.

c) Tổ chức nội trú, bán trú

- Xây dựng thời gian biểu phù hợp từng cấp học, lứa tuổi; cân đối học tập, tự học, ăn uống, nghỉ ngơi, sinh hoạt cá nhân, hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi và phát triển kỹ năng tự phục vụ, tự lập.

- Bố trí phòng ở phù hợp giới tính, độ tuổi, cấp học, sức khỏe và nhu cầu hỗ trợ; lập danh sách học sinh theo phòng, khu vực và xác định người phụ trách.

- Ban hành nội quy khu nội trú, bán trú, trong đó quy định việc sử dụng phòng ở, điện, nước, thiết bị, tài sản chung, vệ sinh, phòng cháy chữa cháy, ra vào trường, về gia đình, thăm gặp và xử lý vi phạm; bảo đảm an toàn, kỷ luật nhưng tôn trọng nhân phẩm, quyền riêng tư, giới tính và lứa tuổi của học sinh.

- Tổ chức điểm danh, kiểm đếm và bàn giao học sinh tại các thời điểm trọng yếu theo phương án của trường; học sinh vắng mặt không rõ lý do, tự ý rời trường hoặc có dấu hiệu mất an toàn phải được xác minh, xử lý và báo cáo ngay.

- Đối với học sinh nội trú về gia đình cuối tuần, ngày nghỉ và học sinh bán trú buổi trưa, xây dựng phương thức bàn giao phù hợp độ tuổi, điều kiện địa bàn và thống nhất với gia đình, bảo đảm an toàn.

d) Hoạt động giáo dục và hỗ trợ ngoài giờ

- Tổ chức tự học có hướng dẫn và các hoạt động giáo dục ngoài giờ theo hướng hỗ trợ học tập, phát triển năng lực tự quản, kỹ năng sống và khả năng thích nghi với môi trường nội trú; không gây quá tải và không ảnh hưởng việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.

- Tăng cường các nội dung giáo dục truyền thống, văn hóa địa phương, chủ quyền biên giới quốc gia, quốc phòng - an ninh, kỹ năng sống, phòng chống bạo lực, xâm hại, tai nạn, đuối nước; văn hóa, nghệ thuật, thể thao, đọc sách; khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM); ngoại ngữ, giáo dục lao động, bảo vệ môi trường, trải nghiệm và hướng nghiệp phù hợp điều kiện từng trường.

4. Chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh và hỗ trợ tâm lý

a) Chăm sóc sức khỏe

Mỗi trường xây dựng kế hoạch y tế trường học gắn với kế hoạch vận hành nội trú và kế hoạch tổ chức, quản lý học sinh nội trú; xác định rõ nhân lực phụ trách công tác y tế, trách nhiệm của nhà trường và cơ chế phối hợp với Trạm Y tế cấp xã/cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn. Đối với trường có số lượng học sinh nội trú lớn, ưu tiên phương án bảo đảm khả năng tiếp nhận, sơ cứu và chuyển tuyến kịp thời cả ngoài giờ học và ban đêm.

- Quản lý thông tin sức khỏe học sinh ngay từ khâu tiếp nhận, gồm bệnh nền, dị ứng, tiêm chủng, thuốc đang sử dụng và nhu cầu hỗ trợ đặc biệt; bảo đảm bảo mật dữ liệu.

- Tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm học, khám sàng lọc bệnh, tật; quản lý, theo dõi học sinh có bệnh nền, dị ứng, nhu cầu chăm sóc đặc biệt và cập nhật thông tin sức khỏe học sinh trong quá trình học tập, sinh hoạt tại trường.

- Xây dựng quy trình xử lý học sinh ốm, tai nạn, dị ứng, ngộ độc thực phẩm và tình huống khẩn cấp; xác định rõ người tiếp nhận thông tin, sơ cứu ban đầu, đầu mối y tế, thông tin gia đình, chuyên tuyến và chế độ báo cáo.

- Phối hợp rà soát tiêm chủng; phối hợp giám sát, phát hiện sớm, thông báo, xử lý và báo cáo khi có trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm hoặc nguy cơ xảy ra dịch; chú trọng vệ sinh phòng ở, phòng học, khu vệ sinh, khu tắm, nhà ăn, nguồn nước và tổ chức hoạt động thể lực phù hợp.

b) Chăm sóc sức khỏe tinh thần và bảo vệ học sinh

- Tổ chức tư vấn và hỗ trợ tâm lý, ưu tiên học sinh mới nhập trường, học sinh ở xa gia đình, khó thích nghi với môi trường nội trú, có hoàn cảnh đặc biệt, có biểu hiện khó khăn về tâm lý, cảm xúc, hành vi hoặc dấu hiệu ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần, nguy cơ bỏ học, bạo lực hoặc xâm hại.

- Giáo viên, người quản lý nội trú, người phụ trách công tác y tế trường học và các bộ phận liên quan chủ động nhận diện thay đổi bất thường về hành vi, cảm xúc, học tập và quan hệ xã hội; kịp thời hỗ trợ hoặc chuyển đến người, cơ sở có chuyên môn.

- Duy trì thông tin phù hợp với cha mẹ hoặc người giám hộ về sức khỏe, tâm lý và những vấn đề cần lưu ý; bảo đảm nguyên tắc bảo mật, tôn trọng nhân phẩm, không kỳ thị, phân biệt đối xử.

5. Bảo đảm an ninh, an toàn và quản trị rủi ro

a) Nhận diện, đánh giá và phòng ngừa rủi ro

Mỗi trường thực hiện rà soát, nhận diện và lập danh mục nguy cơ theo khu vực, hoạt động và thời điểm; ưu tiên các nguy cơ liên quan cháy nổ, điện, nước, ngộ độc thực phẩm, tai nạn, đuối nước, thiên tai, sạt lở, an toàn trong tham gia giao thông, bạo lực, xâm hại, học sinh mất liên lạc hoặc tự ý rời trường.

Trên cơ sở danh mục nguy cơ, xây dựng phương án phòng ngừa và ứng phó, xác định rõ dấu hiệu nhận biết, người tiếp nhận thông tin, người chỉ huy, lực lượng tham gia, thiết bị - phương tiện, địa điểm tập kết/sơ tán, phương thức liên lạc, thông báo gia đình, chế độ báo cáo và khắc phục sau sự cố.

b) Phối hợp lực lượng và xử lý sự cố

- Thiết lập đầu mối trực tiếp với UBND cấp xã, Công an, Trạm Y tế/cơ sở y tế, lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, quân sự, Bộ đội Biên phòng và các lực lượng liên quan; công khai danh sách liên lạc khẩn cấp tại vị trí phù hợp.

- Đối với địa bàn có nguy cơ thiên tai, lũ quét, ngập lụt, sạt lở hoặc chia cắt, xác định tuyến đường an toàn, điểm sơ tán, phương án đưa đón, bàn giao học sinh và phương án dự phòng khi mất điện, mất nước hoặc gián đoạn thông tin liên lạc.

- Tổ chức thực hành, diễn tập các tình huống có khả năng xảy ra và hậu quả nghiêm trọng; sau diễn tập hoặc sau sự cố phải đánh giá, rút kinh nghiệm và cập nhật phương án.

- Khi xảy ra sự cố, ưu tiên cứu người, bảo vệ sức khỏe và an toàn học sinh; đồng thời bảo vệ hiện trường, thông tin cá nhân và phối hợp cơ quan có thẩm quyền.

V. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TÀI SẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VẬN HÀNH

Cơ sở vật chất phải đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn chung của trường phổ thông và yêu cầu đặc thù của trường PTNT được quy định tại Điều 16, Điều 17 Thông tư 12/2026/TT-BGDĐT. Hệ thống được đầu tư tập trung, đồng bộ, hiện đại, đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; bảo đảm đầy đủ công năng với các khu chức năng chính.

- Các khu chức năng tối thiểu gồm: khu học tập và hỗ trợ học tập; khu hành chính, quản trị và phụ trợ; khu nội trú, nhà ở công vụ, nhà tắm, nhà vệ sinh; khu rèn luyện thể chất; khu văn hóa - nghệ thuật/nhà đa năng; khu phục vụ sinh hoạt gồm nhà ăn, nhà bếp, kho bếp; khu hoạt động trải nghiệm, tăng gia sản xuất.

- Hạ tầng kỹ thuật phải đồng bộ: sân, đường, cổng, hàng rào; cấp nước sạch, thoát nước thải; phòng cháy chữa cháy (PCCC); công nghệ thông tin, viễn thông và các hạ tầng bảo đảm an toàn.

- Phòng ở học sinh nội trú và bán trú buổi trưa được bố trí theo quy mô được giao. Thư viện được tổ chức theo tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông, ưu tiên không gian đọc thân thiện, thư viện mở và thư viện điện tử khi có điều kiện.

- Bố trí phòng y tế phù hợp với quy mô học sinh; bảo đảm thuốc, vật tư, trang thiết bị phục vụ sơ cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu theo quy định.

- Tổ chức tiếp nhận, bàn giao công trình, trang thiết bị và tài sản; kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình, nghiệm thu, PCCC, bản vẽ hoàn công, danh mục tài sản, hướng dẫn vận hành, thời hạn bảo hành, quy trình bảo trì và hồ sơ liên quan.

- Rà soát phòng học, phòng bộ môn, thư viện, phòng làm việc, khu nội trú, nhà ăn, bếp ăn, khu vệ sinh, khu tắm, khu thể chất, sân chơi, tường rào, cổng trường; hệ thống điện, nước sạch, thu gom xử lý chất thải, chống sét, PCCC, camera, công nghệ thông tin (CNTT) và thông tin liên lạc.

- Lập danh mục nội dung đã hoàn thành, chưa hoàn thành, thời hạn và đơn vị chịu trách nhiệm xử lý; không đưa vào sử dụng hạng mục chưa nghiệm thu hoặc không bảo đảm an toàn.

- Hoàn thành kiểm kê, hạch toán, giao trách nhiệm quản lý tài sản; thiết lập hồ sơ bảo hành, bảo trì. Khi tổ chức lại các cơ sở giáo dục hiện có, thực hiện bàn giao tài sản, tài chính, hồ sơ theo quy định, không để thất thoát.

VI. BỐ TRÍ KINH PHÍ VẬN HÀNH TRƯỜNG PHỔ THÔNG NỘI TRÚ VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC SINH

(Tại Phụ lục 03 kèm theo)

1. Nguyên tắc bố trí và quản lý kinh phí

- Căn cứ các nội dung chi và định mức chi tại Nghị định 188/2026/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật, ưu tiên bố trí kịp thời, đầy đủ kinh phí để các trường PTNT thực hiện chính sách cho học sinh, kinh phí vận hành máy móc, thiết bị và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định.

- Kinh phí vận hành phải được dự toán đầy đủ, tiết kiệm, rõ nguồn, bảo đảm hoạt động thường xuyên, hiệu quả; căn cứ quy mô học sinh thực tế, số lớp, phương án tổ chức ăn ở, số lượng người làm việc và người lao động theo hợp đồng được bố trí, hiện trạng tài sản và thiết bị. Khuyến khích ngân sách địa phương hoặc các nguồn hợp pháp khác hỗ trợ theo quy định.

- Phân định rõ kinh phí thực hiện chính sách đối với học sinh, kinh phí hoạt động thường xuyên, kinh phí vận hành máy móc thiết bị, bảo trì, sửa chữa và mua sắm bổ sung; không bố trí trùng nội dung đã được chủ đầu tư hoặc nguồn khác bảo đảm.

- Lập dự toán các khoản chi cho dạy học, quản lý nội trú, bếp ăn, điện, nước, vệ sinh, bảo vệ, y tế, vận hành máy móc thiết bị, bảo trì, sửa chữa, mua sắm và các nhiệm vụ cần thiết khác.

- Quản lý, sử dụng, kế toán, công khai và quyết toán đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, dự toán được giao.

2. Nguồn kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định 235/2026/NĐ-CP

- Đối với nhân viên hợp đồng thuộc chỉ tiêu, số lượng được tỉnh giao theo Nghị định 235/2026/NĐ-CP, nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách cấp tỉnh bảo đảm và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã.

- Đối với nhân viên hợp đồng do đơn vị tự thực hiện, không thuộc chỉ tiêu, số lượng được tỉnh giao, đơn vị sử dụng trong phạm vi dự toán được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để chi trả theo quy định.

- Việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí hợp đồng thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán và các quy định có liên quan; việc xác định số lượng hợp đồng phải gắn nhu cầu thực tế từng năm học, không tạo nghĩa vụ chi thường xuyên vượt khả năng nguồn lực.

3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đặc thù và vận hành theo Nghị định 188/2026/NĐ-CP

Ngoài kinh phí hoạt động thường xuyên theo quy định, trường PTNT được bố trí các nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ đặc thù và vận hành theo Nghị định 188/2026/NĐ-CP. Việc lập dự toán phải tách rõ từng nhóm nhiệm vụ, gắn với số học sinh thực tế được phê duyệt và thời gian hưởng.

- Kinh phí vận hành, bảo trì công trình, máy móc, thiết bị duy trì hoạt động thường xuyên: 100.000 đồng/học sinh/tháng, hưởng không quá 9 tháng/năm học.

- Kinh phí tổ chức hoạt động giáo dục đặc thù, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao và mua sắm, bổ sung dụng cụ, thiết bị phục vụ học sinh: 540.000 đồng/học sinh/năm học.

- Kinh phí khám sức khỏe hằng năm, lập tủ thuốc dùng chung và mua thuốc thông thường; kinh phí mua sắm, bổ sung, sửa chữa dụng cụ nhà ăn - nhà bếp;

làm thẻ học sinh, phù hiệu, tuyển sinh đầu cấp và các khoản cùng loại thực hiện theo mức, nguyên tắc được Nghị định 188/2026/NĐ-CP dẫn chiếu.

- Tiền điện, nước phục vụ học tập, sinh hoạt; kinh phí phục vụ nấu ăn; kinh phí quản lý học sinh ngoài giờ lên lớp đối với học sinh nội trú thực hiện theo mức hỗ trợ cùng loại đối với trường phổ thông dân tộc nội trú; đối với học sinh bán trú buổi trưa bằng 50% định mức cùng loại của học sinh nội trú. Trường hợp mất điện, mất nước do nguyên nhân khách quan, nhà trường được sử dụng kinh phí theo quy định để bảo đảm chiếu sáng và nước sạch cho học sinh.

- Kinh phí mua sắm, bổ sung, sửa chữa dụng cụ nhà ăn, nhà bếp 180.000 đồng/học sinh/năm học; kinh phí phục vụ nấu ăn 4.738.500 đồng/định mức/tháng đối với học sinh nội trú và 2.369.250 đồng/định mức/tháng đối với học sinh bán trú buổi trưa; cứ 45 học sinh tính 01 định mức, số dư từ 20 học sinh trở lên tính thêm 01 định mức, hưởng không quá 9 tháng/năm học.

- Trường hợp học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số được tổ chức học tiếng Việt trước khi vào chương trình lớp 1, các chính sách liên quan được thực hiện thêm 01 tháng theo thời gian hoạt động thực tế và quy định hiện hành.

4. Thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh

a) Mức và thời gian hưởng chính sách chủ yếu

- Học sinh bán trú buổi trưa: hỗ trợ tiền ăn trưa 450.000 đồng/học sinh/tháng và 8 kg gạo/học sinh/tháng, không quá 9 tháng/năm học.

- Học sinh nội trú: Hỗ trợ tiền ăn 1.170.000 đồng/học sinh/tháng và 15 kg gạo/học sinh/tháng, không quá 9 tháng/năm học.

- Mỗi năm học, học sinh trường PTNT được hỗ trợ 2.050.000 đồng/học sinh để mua 02 bộ quần áo đồng phục và học phẩm theo danh mục UBND tỉnh quy định. Mỗi cấp học, học sinh nội trú được cấp một lần bằng hiện vật gồm chăn, màn và đồ dùng cá nhân khác theo danh mục UBND tỉnh quy định với mức kinh phí 2.050.000 đồng/học sinh.

- Học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào chương trình lớp 1 được hưởng thêm 01 tháng hỗ trợ tiền ăn và gạo theo quy định.

b) Phê duyệt đối tượng và điều chỉnh chính sách

Việc phê duyệt học sinh nội trú, học sinh bán trú buổi trưa thực hiện trong kỳ tuyển sinh và phải nằm trong chỉ tiêu được phê duyệt, phù hợp điều kiện bảo đảm chất lượng của nhà trường và khó khăn thực tế về địa hình, khoảng cách địa lý. Học sinh được hưởng chính sách đến hết cấp học theo quy định; trường hợp tự nguyện thôi hưởng, cha mẹ/người giám hộ thông báo bằng văn bản cho nhà trường.

Nhà trường cập nhật kịp thời học sinh nhập học, chuyển trường, thôi học, thay đổi hình thức ăn ở; không để chi sai đối tượng, trùng chính sách cùng loại hoặc tiếp tục chi khi không còn đủ điều kiện.

c) Kế hoạch, tiếp nhận, quản lý và sử dụng gạo hỗ trợ

- Hằng năm, trường PTNT lập danh sách học sinh thuộc diện hỗ trợ gạo theo từng nhóm nội trú/bán trú, gửi UBND cấp xã; UBND cấp xã tổng hợp số lượng học sinh, tổng nhu cầu gạo và kế hoạch tiếp nhận theo từng đợt gửi Sở Giáo dục

và Đào tạo theo thời hạn thường niên là trước ngày 30/6; tối đa 02 đợt/học kỳ, 04 đợt/năm học.

- Nhà trường trực tiếp giao nhận gạo tại trường với đơn vị dự trữ; có giám sát, chứng kiến của UBND cấp xã và lập biên bản. Thực hiện lưu mẫu gạo, quản lý kho, theo dõi nhập - xuất - tồn và cấp cho bếp ăn hoặc đơn vị dịch vụ theo số lượng suất ăn thực tế.

- Nhà trường chịu trách nhiệm bảo quản an toàn số lượng, chất lượng gạo đã tiếp nhận. Trường hợp nhu cầu gạo tăng so với quyết định cấp, UBND cấp xã tổng hợp, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo theo thời hạn hướng dẫn để tham mưu đề nghị cấp bổ sung.

- Việc quản lý tiền ăn, gạo, hiện vật, học phẩm và các nguồn chính sách phải tách riêng hồ sơ, chứng từ; công khai, kiểm tra và quyết toán theo quy định.

- Định kỳ đối chiếu số liệu học sinh, tiền ăn, gạo, suất ăn, kinh phí phục vụ nấu ăn và chi phí vận hành; xử lý chênh lệch kịp thời, bảo đảm không thất thoát, không sử dụng sai mục đích.

- Trường hợp có khó khăn, vướng mắc hoặc mức hỗ trợ không đủ để tổ chức vận hành an toàn, hiệu quả, nhà trường báo cáo UBND cấp xã; UBND cấp xã tổng hợp gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND tỉnh, cơ quan có thẩm quyền.

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Năm học 2026 - 2027

- Tập trung hoàn thành xây dựng, lắp đặt trang thiết bị và đưa vào vận hành Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1 và Trường PTNT TH&THCS Hương Khê.

- Hoàn thành nghiệm thu, bàn giao; tiếp nhận, kiểm kê tài sản; kiện toàn tổ chức bộ máy và bố trí số lượng người làm việc, người lao động; hoàn thành tuyển sinh, bố trí phòng ở; ban hành quy chế, kế hoạch quản lý học sinh, bếp ăn, y tế, PCCC và phương án xử lý tình huống.

- UBND xã Sơn Kim 1 và UBND xã Hương Khê ban hành Đề án tổ chức và hoạt động theo Văn bản số 7075/UBND-XD ngày 20/7/2026 của UBND tỉnh về công tác chuẩn bị vận hành các trường phổ thông nội trú liên cấp TH&THCS ở các xã Sơn Kim 1 và Hương Khê.

- Tổ chức kiểm tra tổng thể và vận hành thử các hệ thống thiết yếu trước khi tiếp nhận học sinh.

- Tổ chức sơ kết sau học kỳ I và đánh giá cuối năm học; cập nhật quy mô, cơ cấu học sinh có nhu cầu nội trú, bán trú và nhu cầu số lượng người làm việc cho năm học 2027 - 2028.

2. Năm học 2027 - 2028

- Hoàn thành thi công, tổ chức bàn giao và đưa vào sử dụng các trường PTNT TH&THCS ở các xã Hương Xuân, Hương Bình, Sơn Kim 2, Sơn Hồng và Vũ Quang, đảm bảo các điều kiện đưa vào hoạt động trước khai giảng năm học 2027 -

2028, cùng với Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1 và Trường PTNT TH&THCS Hương Khê hình thành hệ thống 07 trường PTNT trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, kiểm tra các điều kiện trước vận hành.

- UBND các xã Hương Xuân, Hương Bình, Sơn Kim 2, Sơn Hồng và Vũ Quang ban hành Đề án tổ chức và hoạt động trước ngày 30/7/2027.

- Tổ chức sơ kết sau học kỳ I và đánh giá cuối năm học; cập nhật quy mô, cơ cấu học sinh có nhu cầu nội trú, bán trú và nhu cầu số lượng người làm việc cho năm học 2028 - 2029.

3. Giai đoạn 2028 - 2030

- Ổn định tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động; rà soát quy mô hằng năm theo dữ liệu dự báo và tuyển sinh thực tế.

- Chuẩn hóa quy trình quản trị nội trú, y tế, bếp ăn, an toàn, tài chính - tài sản; tăng cường chuyển đổi số và công cụ theo dõi, cảnh báo rủi ro.

- Điều chỉnh nhu cầu, bố trí số lượng người làm việc theo số lớp, cơ cấu môn học, số học sinh nội trú/bán trú và phương thức cung ứng dịch vụ; ưu tiên điều hòa nguồn lực, hạn chế phát sinh thừa số lượng người làm việc khi quy mô giảm.

- Đánh giá tổng thể hiệu quả mô hình, mức độ đáp ứng nhu cầu học sinh, chi phí vận hành và tác động đến mạng lưới giáo dục.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan thường trực, theo dõi, tổng hợp thực hiện Đề án; chủ trì phối hợp UBND cấp xã lập kế hoạch tuyển sinh hằng năm trình UBND tỉnh; hướng dẫn tiêu chí tuyển sinh nội trú/bán trú, phê duyệt kết quả theo quy định; hướng dẫn chuyên môn, chương trình, hoạt động giáo dục, quản lý học sinh và thực hiện chính sách; kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình vận hành; hướng dẫn, tổ chức thực hiện bố trí, sử dụng viên chức; tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, biệt phái, chuyển chuyên và các nội dung về vị trí việc làm, số lượng người làm việc theo chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, ủy quyền.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức tập huấn tổ chức và vận hành; định kỳ sơ kết, đánh giá việc thực hiện Đề án.

2. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo theo chức năng quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, viên chức, người lao động; hướng dẫn các nội dung phát sinh liên quan theo chức năng, nhiệm vụ.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện quy định về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; trường hợp vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp rà soát chế độ, nội dung chi, nguồn kinh phí và phương án bố trí kinh phí; hướng dẫn quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công; mua sắm, thuê, đặt hàng/đầu thầu dịch vụ.

- Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, địa phương và Quyết định của Sở Giáo dục và Đào tạo về phê duyệt kết quả tuyển sinh học sinh nội trú, học sinh bán trú buổi trưa tại các trường PTNT và quy định hiện hành, tham mưu phương án kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

4. Sở Y tế

- Hướng dẫn, hỗ trợ tập huấn công tác y tế trường học, chăm sóc sức khỏe học sinh nội trú, phòng chống dịch bệnh, sơ cấp cứu; dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, bếp ăn, nước sạch và vệ sinh môi trường.

- Tham gia kiểm tra, đánh giá điều kiện y tế, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm tại các trường theo kế hoạch liên ngành.

- Hướng dẫn và phối hợp kiểm tra hồ sơ, điều kiện an toàn thực phẩm của bếp ăn, cơ sở/đơn vị cung cấp suất ăn; việc kiểm thực ba bước, lưu mẫu thức ăn, nguồn gốc thực phẩm, chất lượng nước, điều kiện sức khỏe và tập huấn của người trực tiếp chế biến; xử lý nguy cơ, sự cố hoặc ngộ độc thực phẩm theo quy định.

5. Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Công an tỉnh phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự, PCCC-CNCH, phòng chống tội phạm, ma túy, bạo lực học đường.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp quản lý, tổ chức tuyên truyền, giáo dục học sinh khu vực biên giới; giáo dục về biên giới quốc gia, chủ quyền lãnh thổ, quốc phòng, an ninh; hỗ trợ xử lý các tình huống có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ.

6. Sở Xây dựng, chủ đầu tư và đơn vị quản lý dự án

- Phối hợp rà soát chất lượng công trình, hạ tầng kỹ thuật, điều kiện đưa vào sử dụng, vận hành và bảo trì.

- Chủ đầu tư cung cấp hồ sơ, danh mục tài sản, thiết bị đã đầu tư; hoàn thành nghiệm thu, bàn giao; khắc phục tồn tại; hướng dẫn vận hành, bảo hành, bảo trì.

7. UBND các xã có trường PTNT

- Thực hiện trách nhiệm cơ quan quản lý trực tiếp; Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập trường PTNT TH & THCS theo quy định. UBND cấp xã xác định nhu cầu, quy mô tuyển sinh và nhu cầu nội trú/bán trú.

- Ban hành Kế hoạch tổ chức và vận hành trường PTNT; tổ chức kiểm tra, báo cáo và đánh giá định kỳ theo quy định.

- Chỉ đạo nhà trường xây dựng kế hoạch vận hành cụ thể; bố trí hoặc đề xuất bố trí số lượng người làm việc, người lao động theo nhu cầu, kinh phí và các điều kiện đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Kiểm tra việc thực hiện chính sách, tài chính, tài sản, bếp ăn và an toàn trường học; kịp thời báo cáo vấn đề vượt thẩm quyền.

- Xây dựng cơ chế phối hợp tại địa bàn giữa nhà trường với Công an, Trạm Y tế/cơ sở y tế, Bộ đội Biên phòng, lực lượng PCCC-CNCH và gia đình học sinh trong bảo đảm an ninh, y tế, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống thiên tai và xử lý tình huống.

8. Các trường phổ thông nội trú

- Cụ thể hóa Đề án thành kế hoạch vận hành hằng năm; phân công rõ trách nhiệm từng cá nhân, bộ phận; tổ chức quản lý, giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc học sinh đúng quy định.

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ đặc thù theo Thông tư 12/2026/TT-BGDĐT: quản lý, giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc học sinh; tổ chức hoạt động giáo dục đặc thù và hướng nghiệp khu vực biên giới; theo dõi, thống kê, đánh giá hiệu quả giáo dục; thực hiện chính sách; phối hợp gia đình, chính quyền và lực lượng liên quan.

- Chịu trách nhiệm về hồ sơ tuyển sinh, quản lý học sinh, chất lượng bữa ăn, y tế và an toàn nội trú, tài chính - tài sản, chính sách và chế độ báo cáo.

- Xây dựng các Nội quy, Quy chế quản lý theo quy định; chủ động tự kiểm tra, khắc phục tồn tại phát sinh; rà soát nhu cầu vị trí việc làm theo quy mô năm học sau và báo cáo UBND xã/cơ quan có thẩm quyền./.

PHỤ LỤC 01
CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CHUẨN BỊ TỔ CHỨC VÀ VẬN HÀNH CÁC TRƯỜNG PTNT

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
I CÔNG TÁC CHUẨN BỊ					
1	Hoàn thành nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng	Sở Xây dựng	Ban Quản lý dự án, UBND các xã, Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1, Trường PTNT TH&THCS Hương Khê và các đơn vị có liên quan	Trường PTNT TH & THCS Sơn Kim 1 và Trường PTNT TH & THCS Hương Khê hoàn thành theo thời gian yêu cầu tại Văn bản số 7075/UBND-XD ngày 20/7/2026 của UBND tỉnh; trước 15/6/2027 đối với 05 trường ở 05 xã Sơn Kim 2, Sơn Hồng, Vũ Quang, Hương Bình, Hương Xuân	Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng
2	Tiếp nhận, kiểm kê, bố trí cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, ký túc xá, bếp ăn	Chủ đầu tư	UBND xã, Nhà trường	Trước 30/8/2026 đối với Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1, Trường PTNT TH&THCS Hương Khê; trước 15/8/2027 đối với 05 trường ở 05 xã Sơn Kim 2, Sơn Hồng,	Biên bản kiểm kê, phương án bố trí

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
				Vũ Quang, Hương Bình, Hương Xuân	
3	Kiên toàn tổ chức bộ máy; bố trí cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	UBND xã	Nhà trường	Trước 30/8/2026 đối với Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1, Trường PTNT TH&THCS Hương Khê; trước 05/8/2027 đối với 05 trường ở 05 xã Sơn Kim 2, Sơn Hồng, Vũ Quang, Hương Bình, Hương Xuân	Quyết định phân công, bố trí
4	Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng; phân công nhiệm vụ	Hiệu trưởng	Sở GDĐT	Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1, Trường PTNT TH&THCS Hương Khê theo thời gian yêu cầu tại Văn bản số 7075/UBND-XD ngày 20/7/2026 của UBND tỉnh; trước 30/7/2027 đối với 05 trường ở 05 xã Sơn Kim 2, Sơn Hồng, Vũ Quang, Hương Bình, Hương Xuân	Quyết định thành lập, phân công

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
5	Ban hành các quy chế hoạt động, quy chế quản lý học sinh nội trú, quy chế phối hợp	Hiệu trưởng	Nhà trường	Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1, Trường PTNT TH&THCS Hương Khê theo thời gian yêu cầu tại Văn bản số 7075/UBND-XD ngày 20/7/2026 của UBND tỉnh; trước 05/8/2027 đối với 05 trường ở 05 xã Sơn Kim 2, Sơn Hồng, Vũ Quang, Hương Bình, Hương Xuân	Các quy chế được ban hành
II TUYỂN SINH VÀ TIẾP NHẬN HỌC SINH					
6	Hoàn thành tuyển sinh, phân lớp, lập danh sách học sinh	Nhà trường	UBND xã, Sở GDĐT	Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1, Trường PTNT TH&THCS Hương Khê theo thời gian yêu cầu tại Văn bản số 7075/UBND-XD ngày 20/7/2026 của UBND tỉnh; trước 20/8/2027 đối với 05 trường ở 05 xã Sơn Kim 2, Sơn	Danh sách học sinh, danh sách lớp

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
				Hồng, Vũ Quang, Hương Bình, Hương Xuân	
7	Hoàn thành bố trí chỗ ở nội trú	Nhà trường	UBND xã	Trước 30/8/2026 đối với Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1, Trường PTNT TH&THCS Hương Khê; trước 15/8/2027 đối với 05 trường ở 05 xã Sơn Kim 2, Sơn Hồng, Vũ Quang, Hương Bình, Hương Xuân	Danh sách phòng ở
8	Hoàn thành cấp phát đồ dùng cá nhân, học phẩm	Nhà trường	Sở GDĐT	Sau khi thực hiện mua sắm đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh	Danh sách ký nhận
III TỔ CHỨC DẠY HỌC					
9	Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch năm học, thời khóa biểu	Hiệu trưởng	Tổ chuyên môn	Trước 30/8/2026 đối với Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1, Trường PTNT TH&THCS Hương Khê; trước 15/8/2027 đối với 05 trường ở 05 xã Sơn Kim 2, Sơn Hồng,	Các kế hoạch được phê duyệt

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
				Vũ Quang, Hương Bình, Hương Xuân	
10	Xây dựng kế hoạch dạy học, bán trú, nội trú và các hoạt động giáo dục	Nhà trường	Sở GDĐT	Trưởng PTNT TH&THCS Sơn Kim 1 và Trường PTNT TH&THCS Hương Khê theo thời gian yêu cầu tại Văn bản số 7075/UBND-XD ngày 20/7/2026 của UBND tỉnh; trước 15/8/2027 đối với 05 trường ở 05 xã Sơn Kim 2, Sơn Hồng, Vũ Quang, Hương Bình, Hương Xuân	Kế hoạch triển khai
IV	BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG				
11	Hoàn thành kiểm tra điều kiện an toàn trường học, PCCC	Chủ đầu tư	UBND xã, Nhà trường	Trưởng PTNT TH&THCS Sơn Kim 1 và Trường PTNT TH&THCS Hương Khê theo thời gian yêu cầu tại Văn bản số 7075/UBND-XD ngày 20/7/2026	Biên bản kiểm tra

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
				của UBND tỉnh; trước 15/8/2027 đối với 05 trường ở 05 xã Sơn Kim 2, Sơn Hồng, Vũ Quang, Hương Bình, Hương Xuân	
12	Hoàn thành kiểm tra lắp đặt, vận hành hệ thống CNTT, Internet, camera	Chủ đầu tư	Nhà trường	Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1 và Trường PTNT TH&THCS Hương Khê theo thời gian yêu cầu tại Văn bản số 7075/UBND-XD ngày 20/7/2026 của UBND tỉnh; trước 15/8/2027 đối với 05 trường ở 05 xã Sơn Kim 2, Sơn Hồng, Vũ Quang, Hương Bình, Hương Xuân	Hệ thống vận hành
13	Hoàn thành các điều kiện bảo đảm công tác y tế trường học, chăm sóc sức khỏe, sơ cấp cứu, phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, nước sạch và vệ sinh môi trường trước khi tiếp nhận học sinh	Chủ đầu tư, Nhà trường	Trạm Y tế	Trước 30/8/2026 đối với Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1 và Trường PTNT TH&THCS Hương Khê; trước 25/8/2027 đối với 05	Đảm bảo điều kiện

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
V	ĐƯA TRƯỜNG VÀO HOẠT ĐỘNG				
14	Tiếp nhận, ổn định học sinh; hoàn thiện các điều kiện chuẩn bị khai giảng	Nhà trường	UBND xã	Trước 30/8/2026 đối với Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1 và Trường PTNT TH&THCS Hương Khê; 19/8/2027 đối với 05 trường ở 05 xã Sơn Kim 2, Sơn Hồng, Vũ Quang, Hương Bình, Hương Xuân	Nhà trường sẵn sàng hoạt động
15	Tổ chức Lễ khai giảng và triển khai dạy học theo kế hoạch năm học	Nhà trường	Sở GDĐT, UBND xã	Theo kế hoạch của Bộ GDĐT	Lễ khai giảng và hoạt động dạy học được tổ chức đúng quy định
16	Tổ chức vận hành toàn bộ hoạt động của nhà trường	Hiệu trưởng	Các bộ phận liên quan	Năm học 2026 - 2027 đối với Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1 và Trường PTNT TH&THCS Hương Khê; từ năm học 2027 - 2028 đối với 05 trường PTNT	Hoạt động ổn định, hiệu quả
VI	KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ				

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
17	Kiểm tra, đánh giá việc triển khai sau khi đưa trường vào hoạt động	Sở GDĐT	UBND xã	Kết thúc năm học 2026 - 2027 đối với Trường PTNT TH&THCS Sơn Kim 1 và Trường PTNT TH&THCS Hương Khê; kết thúc các năm học 2027 - 2028 trở đi đối với toàn bộ 07 trường PTNT	Báo cáo

PHỤ LỤC 02
QUY MÔ VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH CÁC TRƯỜNG PTNT TH&THCS

1. Năm học 2026 - 2027

Quy mô và chỉ tiêu tuyển sinh trường phổ thông nội trú liên cấp														
Trong đó:														
TT	Trường PTNT TH&THCS	Tổng		Tiểu học		THCS		Nhu cầu bán trú (học sinh)		Nhu cầu nội trú (học sinh)		Trong đó:		
												Tổng		THCS
		Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Tổng	Tiểu học	THCS	Tổng	Tiểu học	THCS	
		1	Sơn Kim 1	36	1.241	15	444	21	797	1228	444	784	13	0
2	Hương Khê	39	1.640	14	484	25	1.156	1531	442	1.089	70	31	39	

2. Năm học 2027 - 2028

Quy mô và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến trường phổ thông nội trú liên cấp														
Trong đó:														
TT	Trường PTNT TH&THCS	Tổng		Tiểu học		THCS		Nhu cầu bán trú (học sinh)			Nhu cầu nội trú (học sinh)			
								Tổng	Tiểu học	THCS	Tổng	Tiểu học	THCS	
		Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh							Số lớp
		1	Sơn Kim 1	28	907	15	346	13	561	896	346	550	11	0
2	Hương Khê	38	1.519	13	435	25	1.084	1.455	411	1.044	64	24	40	
3	Hương Xuân	37	1.314	18	569	19	745	1.121	569	552	62	20	42	
4	Hương Bình	24	762	15	420	9	342	753	415	338	9	5	4	
5	Sơn Kim 2	22	804	13	422	9	382	727	373	354	22	13	9	
6	Sơn Hồng	36	1.149	20	580	16	569	965	512	453	120	65	55	

7	Vũ Quang	32	1.149	18	590	14	559	1.138	590	548	21	13	8
---	----------	----	-------	----	-----	----	-----	-------	-----	-----	----	----	---

3. Năm học 2028 - 2029

TT	Trường PTNT TH&THCS	Quy mô và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến trường phổ thông nội trú liên cấp											
		Trong đó:											
		Tổng			THCS			Nhu cầu bán trú (học sinh)			Nhu cầu nội trú (học sinh)		
								Tổng	Tiểu học	THCS	Tổng	Tiểu học	THCS
		Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh						
1	Sơn Kim 1	26	776	15	324	11	452	767	324	443	9	0	9
2	Hương Khê	38	1.453	13	419	25	1.032	1.393	402	991	60	17	43
3	Hương Xuân	37	1.264	17	492	20	772	1.066	492	574	54	18	36

4. Năm học 2029 - 2030

Quy mô và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến trường phổ thông nội trú liên cấp														
Trong đó:														
TT	Trường PTNT TH&THCS	Tổng		Tiểu học		THCS		Nhu cầu bán trú (học sinh)			Nhu cầu nội trú (học sinh)			
								Tổng	Trong đó:		Tổng	Trong đó:		
		Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Tiểu học	THCS		Tiểu học	THCS				
		1	Son Kim 1	25	751	15	320	10	431	743	320	423	8	0
2	Huong Khê	37	1.399	13	397	24	1.002	1.344	379	965	55	18	37	37
3	Huong Xuân	36	1.213	17	475	19	738	993	475	518	55	18	37	37
4	Huong Bình	23	752	15	426	8	326	747	425	322	5	1	4	4
5	Son Kim 2	21	745	12	352	9	393	688	370	318	20	9	11	11
6	Son Hồng	36	1.132	20	574	16	558	971	518	453	128	61	67	67
7	Vũ Quang	30	1.039	16	479	14	560	1.023	479	544	16	8	8	8

PHỤ LỤC 03
DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH
SỐ 188/2026/NĐ-CP GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Số liệu phục vụ tham khảo, thuyết minh Đề án; dự toán kinh phí
hàng năm phải căn cứ số thực tế được phê duyệt)

Đơn vị: Nghìn đồng

1. Năm 2026

STT	Trường PTNT TH&THCS	Kinh phí học kỳ 1 NH 2026-2027
1	Sơn Kim 1	5.199.837
2	Hương Khê	7.060.066
TỔNG		12.259.903

2. Năm 2027

STT	Trường PTNT TH&THCS	Kinh phí học kỳ 2 NH 2026-2027	Kinh phí học kỳ 1 NH 2027-2028	Tổng NS năm
1	Sơn Kim 1	6.432.541	3.791.810	10.224.351
2	Hương Khê	8.556.441	6.590.466	15.146.908
3	Hương Xuân	0	5.441.831	5.441.831
4	Hương Bình	0	3.187.066	3.187.066
5	Sơn Kim 2	0	3.318.240	3.318.240
6	Sơn Hồng	0	5.255.293	5.255.293
7	Vũ Quang	0	4.900.456	4.900.456
TỔNG		14.988.982	32.485.163	47.474.145

3. Năm 2028

STT	Trường PTNT TH&THCS	Kinh phí học kỳ 2 NH 2027-2028	Kinh phí học kỳ 1 NH 2028-2029	Tổng NS năm
1	Sơn Kim 1	4.711.575	3.240.534	7.952.110
2	Hương Khê	8.074.083	6.304.353	14.378.436
3	Hương Xuân	6.643.414	5.170.508	11.813.922
4	Hương Bình	3.960.770	3.074.114	7.034.884
5	Sơn Kim 2	4.091.425	3.117.228	7.208.653
6	Sơn Hồng	6.261.617	5.334.149	11.595.766
7	Vũ Quang	6.071.758	4.599.945	10.671.703
TỔNG		39.814.642	30.840.832	70.655.473

4. Năm 2029

STT	Trường PTNT TH&THCS	Kinh phí học kỳ 2 NH 2028-2029	Kinh phí học kỳ 1 NH 2029-2030	Tổng NS năm
1	Sơn Kim 1	4.027.605	3.139.937	7.167.543
2	Hương Khê	7.726.691	6.058.952	13.785.643
3	Hương Xuân	6.324.760	4.911.946	11.236.706
4	Hương Bình	3.827.267	3.128.402	6.955.669

STT	Trường PTNT TH&THCS	Kinh phí học kỳ 2 NH 2028-2029	Kinh phí học kỳ 1 NH 2029-2030	Tổng NS năm
5	Sơn Kim 2	3.845.285	3.104.881	6.950.167
6	Sơn Hồng	6.334.562	5.292.941	11.627.503
7	Vũ Quang	5.703.807	4.362.260	10.066.067
TỔNG		37.789.977	29.999.320	67.789.297

5. Năm 2030

STT	Trường PTNT TH&THCS	Kinh phí học kỳ 2 NH 2029-2030	Kinh phí học kỳ 1 NH 2030-2031 ²	Tổng NS năm
1	Sơn Kim 1	3.904.422	3139937,322	7044358,976
2	Hương Khê	7.432.752	6058951,512	13491703,4
3	Hương Xuân	5.998.995	4911946,104	10910941,23
4	Hương Bình	3.897.690	3128402,35	7026092,787
5	Sơn Kim 2	3.829.852	3104881,354	6934733,046
6	Sơn Hồng	6.288.177	5292941,312	11581117,95
7	Vũ Quang	5.411.825	4362259,754	9774084,448
TỔNG		36.763.712	29.999.320	66.763.032

² Quy mô học sinh năm học 2030 - 2031 tạm tính tương đương quy mô học sinh năm học 2029 - 2030.